TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2018/DS-ST
Ngày: 13-9-2018
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa anh P với anh Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năng

Bà Mai Thị Thu Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 về "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 191/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Đ H P, sinh ngày 08-12-1986
Nơi cư trú: Tổ 18, ấp C T, xã C Đ, huyện C T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị P T M T, sinh năm 1990 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 18, ấp C T, xã C Đ, huyện C T, tỉnh An Giang.
Theo văn bản ủy quyền ngày 16-7-2018.

2.Bị đơn: Anh N T Q, sinh ngày 25-10-1986 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 11, ấp V T, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 09-7-2018, nguyên đơn anh Đ H P đã trình bày. Tại biên bản hòa giải ngày 20-8-2018 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị P T M T trình bày: Do chỗ quen biết nên ngày 21-12-2016, anh Đ H P có cho anh N T Q vay số tiền 30.000.000đ để làm vốn mua

cừ tràm, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng không ghi trong Biên nhận, hai bên thỏa thuận khi nào anh P cần tiền thì anh Q sẽ trả lại số tiền trên, khi vay anh Q có lập biên nhận ngày 21-12-2016 do anh Q viết và có ký tên xác nhận. Trong quá trình vay anh Q chỉ đóng lãi được 5 tháng, không lập biên nhận và nợ lãi cho đến nay. Đến tháng 12/2017 anh P cần tiền nên có yêu cầu anh Q trả lại số tiền đã vay, anh Q hẹn sau tết nguyên đán sẽ trả nhưng anh Q không thực hiện.

Nay chị là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét buộc anh N T Q có nghĩa vụ trả lại anh P một lần số tiền đã vay là 30.000.000đ, chị xin rút lại yêu cầu tính lãi. Chị đồng ý khấu trừ vào tiền vốn vay nếu tiền lãi anh P đã nhận thừa sau khi điều chỉnh lại lãi suất.

Tại Biên bản hòa giải ngày 20-8-2018 và tại phiên tòa, bị đơn anh N T Q trình bày: Do chỗ quen biết nên ngày 21-12-2016, anh Đ H P có cho anh vay số tiền 30.000.000đ để làm vốn mua cừ tràm, hai bên thỏa thuận khi nào anh P cần tiền thì anh sẽ trả lại số tiền trên, khi vay anh có lập biên nhận ngày 21-12-2016 do anh viết và có ký tên xác nhận. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng không ghi trong Biên nhận, anh đóng lãi từ 21-12-2016 đến 21-6-2018. Tháng 12/2017 anh P cần tiền nên có yêu cầu anh trả lại số tiền đã vay, anh có hẹn sau tết nguyên đán sẽ trả nhưng do anh chưa vay được tiền nên chưa trả được tiền cho anh P. Anh yêu cầu điều chỉnh lãi suất đối với tiền lãi đã đóng. Khi đóng lãi cho anh P không lập biên nhận.

Nay trước yêu cầu đòi nợ vay của anh P, anh xác nhận có vay và còn nợ anh P 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), nợ lãi từ 21-6-2018 cho đến nay; anh đồng ý trả số tiền trên cho anh P, anh yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) cho đến khi hết nợ, thời điểm trả lần đầu vào ngày 03-10-2018. Anh P rút lại yêu cầu tính lãi anh đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào đơn khởi kiện. Đối chiếu quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng vay tài sản.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ địa chỉ bị đơn, đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ Biên nhận ngày 21-12-2016 do nguyên đơn cung cấp và Biên bản hòa giải ngày 20-8-2018. Ngày 09-7-2018, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 429; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ Biên nhận ngày 21-12-2016 do nguyên đơn cung cấp (bút lục 02);

Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 20-8-2018 (bút lục 25 – 27),

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận, vào ngày 21-12-2016, giữa nguyên đơn anh P và bị đơn anh Q có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mục đích vay để làm vốn mua cừ tràm; thời hạn vay là khi nào anh P cần tiền thì anh Q sẽ trả lại số tiền trên, lãi suất 5%/tháng. Tháng 12/2017 anh P cần tiền nên có yêu cầu anh Q trả lại số tiền đã vay, nhưng anh Q hẹn và không trả dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét hợp đồng vay tài sản được xác lập ngày 21-12-2016, giữa nguyên đơn anh P với bị đơn anh Q; đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2005, thì hợp đồng hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội; do đó hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

[4.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:* Do hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn; nguyên đơn đã giao đủ tiền cho bị đơn. Nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn thời hạn để trả lại vốn vay nhưng bị đơn không trả. Nay nguyên đơn có yêu cầu nhận lại vốn vay một lần; bị đơn đồng ý trả nhưng xin được trả dần. Xét quan hệ tranh chấp trên bị đơn anh Q là người có lỗi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả lại vốn vay khi nguyên đơn có yêu cầu. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 và Các Điều 471, 473, 474 và khoản 1 Điều 477 của Bộ Luật Dân sự năm 2005, thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại một lần vốn vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] *Xét yêu cầu của bị đơn:*

-Đối với yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất: Nguyên đơn trình bày bị đơn đóng lãi được 5 tháng, bị đơn trình bày đã đóng lãi từ ngày 21-12-2016 đến 21-6-2018 là 18 tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; lãi suất 5%/tháng. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 476 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, thì lãi suất trên là cao so với quy định của pháp luật, cần phải điều chỉnh cho phù hợp như sau:

Tiền lãi phải trả sau khi điều chỉnh lãi suất là: 6.990.000đ (30.000.000đ x 9% x 150% x 630 ngày : 365) (21-12-2016 – 13-9-2018 là 630 ngày)

Tiền lãi đã trả là: 7.500.000đ (30.000.000đ x 5% x 5 tháng)

Tiền lãi nguyên đơn đã nhận thừa sau khi điều chỉnh là 510.000đ.

-Đối với yêu cầu trả dần: Bị đơn yêu cầu được trả dần, không được nguyên đơn chấp nhận. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 474 khoản 2 Điều 477 của Bộ Luật Dân sự năm 2005, thì yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh P, nên anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn anh P 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003586 ngày 20-7-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh P, buộc bị đơn anh Q có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn anh P 29.490.000đ nên bị đơn anh Q phải chịu 1.474.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn anh Đ H P, bị đơn anh N T Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13-9-2018).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Các Điều 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 471, 473, 474, 476 và 477 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 357, 429, 468; Điểm a, d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đ H P.

[2] Buộc bị đơn anh N T Q phải trả một lần cho nguyên đơn anh Đ H P số tiền còn nợ là 29.490.000đ (hai mươi chín triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] *Về án phí:*

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Đ H P 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003586 ngày 20-7-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn anh N T Q phải chịu 1.474.500đ (một triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn anh Đ H P, bị đơn anh N T Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13-9-2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đông Hoà

Nơi nhận:
-Các đương sự (để thi hành);
-Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
-Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án.